

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 30-8-2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và ông Y Đo Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐST-DS ngày 29/6/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 64/2021/QĐST-DS ngày 09/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 135/2021/TB-TA ngày 07/8/2021, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2/ Bị đơn: Bà Phạm Thị D (Tên gọi khác: Phạm Thị D), sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn 16, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3/ Người làm chứng:

3.1/ Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 16, xã Ea R, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3.2/ Ông Lê Đức D, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 5, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Tôi với bà Phạm Thị D không có mối quan hệ và không có mâu thuẫn gì. Thời gian trước ngày 11/5/2020, tôi cho bà Phạm Thị D vay tiền nhiều lần, tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà D chưa trả cho tôi. Ngày 11/5/2020, sau khi tính toán lại thì bà Phạm Thị D thống nhất với tôi để chốt nợ

và viết giấy vay với số tiền 33.825.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 11/5/2020 đến ngày 11/6/2020 bà Phạm Thị D sẽ trả. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Giấy vay tiền do tôi viết còn chữ ký và chữ viết tại mục “Bên vay tiền” do bà Phạm Thị D ký và viết ra. Đến thời hạn mặc dù tôi nhiều lần yêu cầu bà Phạm Thị D trả nợ nhưng bà D không trả số tiền trên cho tôi. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị D phải có trách nhiệm trả số tiền 33.825.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị D trình bày:* Tên thường gọi của tôi là Phạm Thị D tuy nhiên do sai sót nên trong các giấy tờ tùy thân của tôi đều ghi là Phạm Thị D. Trước đây tôi có vay của bà Trần Thị H số tiền 25.000.000 đồng và tôi đã trả cho bà H 10.000.000 đồng, do quên biết nên khi trả tiền tôi không yêu cầu bà H hủy giấy vay tiền. Hiện nay tôi còn nợ bà H số tiền 15.000.000 đồng. Bà Trần Thị H khởi kiện để yêu cầu tôi phải có trách nhiệm trả số tiền 33.825.000 đồng. Tôi không đồng ý vì nội dung giấy vay tiền do bà H tự ghi và đưa tôi ký xác nhận. Do tin tưởng nên tôi không đọc lại và ký tại mục người vay tiền với tên là “Phạm Thị D” còn chữ ký không phải của tôi. Tôi đồng ý trả số tiền 15.000.000 cho bà H và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người làm chứng bà Trần Thị Ph trình bày:* Tôi với bà Trần Thị H, bà Trần Thị D không có mối quan hệ và mâu thuẫn gì. Việc bà Trần Thị H cho bà Trần Thị D vay tiền số tiền 25.000.000 đồng tôi chứng kiến. Thời gian bà H cho bà D vay tiền tôi không nhớ cụ thể. Mục đích bà D vay tiền của bà H để đáo hạn tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện M. Tại thời điểm đó bà H lấy 1.000.000 đồng tiền lãi của bà D. Sau đó tôi vay lại bà D 25.000.000 đồng tuy nhiên hai bên không làm hợp đồng vay và không có ai làm chứng.

Tôi đã đưa cho bà D 10.000.000 đồng để trả nợ cho bà H nhưng khi trả không viết giấy. Về nội dung vay tiền và giấy vay tiền đề ngày 11/5/2020 tôi không chứng kiến và không biết. Bà D vay số tiền 25.000.000 đồng của bà H là có thật nhưng bà D đã trả được 10.000.000 đồng. Hiện nay bà D còn nợ bà H số tiền 15.000.000 đồng và tiền lãi.

** Quá trình tố tụng người làm chứng anh Lê Đức D trình bày:* Bà Phạm Thị D là mẹ tôi, còn bà Trần Thị H không có mối quan hệ và mâu thuẫn gì. Vào khoảng năm 2020, tôi đến nhà bà D để chơi thì gặp bà H và bà D đang nói chuyện với nhau và hai bên có viết giấy tờ vay tiền. Tuy nhiên, nội dung giấy vay tiền và hai bên thỏa thuận như thế nào thì tôi không được biết. Tôi chỉ nghe bà H nói lại với bà D: “Em viết giấy tờ với chị, dựa vào chị để cho con kia trả tiền”. Sau khi bà H về thì bà D kể lại là vay giùm tiền cho bà Trần Thị Ph để đáo hạn Ngân hàng. Ngoài ra tôi không thấy bà H và bà D nói hay trao đổi thêm vấn đề nào khác. Tôi không chứng kiến bà D, bà Ph trả tiền cho bà H. Vì lý do công việc nên tôi từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 92, của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, điểm đ khoản 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Thị D phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị H số tiền vay 33.825.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H (gọi tắt là nguyên đơn) đề ngày 08/12/2020, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị D cư trú tại thôn 16, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 33.825.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 11/5/2020, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị D cho rằng không vay số tiền 33.825.000 đồng như nội dung yêu cầu khởi kiện của bị đơn mà chỉ vay 25.000.000 đồng và trả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại nguyên đơn 15.000.000 đồng.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, ngày 09/7/2021, nguyên đơn đã làm đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết dưới mục người vay tiền tại giấy vay tiền đề ngày 11/5/2020. Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện M'Đrăk có liên quan đến các mẫu chữ ký, chữ viết của bị đơn để trưng cầu giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 125/KLGD-PC09, ngày 26/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: "*Chữ viết mang tên*

Phạm Thị D trên mẫu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ viết của Phạm Thị D trên mẫu so sánh kí hiệu M1, M7, M8 và chữ viết mang tên Phạm Thị D trên mẫu so sánh kí hiệu từ M2 đến M6, do cùng một người viết ra”.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Ngày 11/5/2020, bà Phạm Thị D vay bà Trần Thị H số tiền 33.825.000 đồng.

Xét thấy hợp đồng vay được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức, xã hội. Tuy nhiên, đến thời hạn bị đơn bà Phạm Thị D chưa trả nợ cho nguyên đơn bà Trần Thị H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở pháp lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Phạm Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền vay gốc 33.825.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 11/5/2020.

[2.2] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Phạm Thị D cho rằng: Bà D không vay số tiền 33.825.000 đồng của bà Trần Thị H. Chữ ký và chữ viết tại giấy vay tiền đề ngày 11/5/2020 không phải do bị đơn ký và viết ra. Chỉ thừa nhận vay bà H số tiền 25.000.000 đồng và trả được 10.000.000 đồng còn nợ lại 15.000.000 đồng. Bà D vay tiền bà H nhằm mục đích cho bà Trần Thị Ph vay lại nên bà Ph phải có trách nhiệm trả lại cho bà H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa lời khai của bị đơn mâu thuẫn và không thống nhất. Để có cơ sở giải quyết vụ án, ngày 06/5/2021, Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 41a/2021/QĐ-CCTLCC về việc yêu cầu bà Phạm Thị D cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, bà Phạm Thị D không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình. Do đó, ý kiến trình bày của bà Phạm Thị D không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Tại giấy vay tiền đề ngày 11/5/2020 các bên không thỏa thuận lãi suất. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ ngày 11/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/8/2021) đối với khoản tiền vay 33.825.000 đồng. Xét thấy việc yêu cầu của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Phạm Thị D phải trả tiền lãi cho nguyên đơn theo lãi suất quá hạn được quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.* Theo đó, tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể, buộc bị đơn bà Phạm Thị D phải trả tiền lãi cho nguyên đơn như sau: Từ ngày 11/5/2020

đến ngày 30/8/2021 = 33.825.000 đồng x 476 ngày : 365 x 10% = 4.420.418 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc bà Phạm Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H tổng số tiền 38.248.418 đồng, trong đó tiền vay gốc: 33.825.000 đồng và tiền lãi 4.420.418 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu giám định của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 161, khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc bà Phạm Thị D phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà Trần Thị H không phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà Phạm Thị D phải trả số tiền 6.000.000 đồng cho bà Trần Thị H về chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

[4] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà Phạm Thị D phải chịu 1.912.421 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà Phạm Thị D là người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 161, khoản 1 Điều 162, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H, buộc bà Phạm Thị D phải trả cho bà Trần Thị H 38.248.418 đồng, trong đó tiền vay gốc: 33.825.000 đồng và tiền lãi: 4.420.418 đồng

Kể từ ngày 31/8/2021 cho đến khi thi hành án xong bản án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phạm Thị D phải trả số tiền 6.000.000 đồng cho bà Trần Thị H.

3. Về án phí: Bị đơn bà Phạm Thị D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

